

Số: 54/2020/QĐST-DS

Thành phố Bến Tre, ngày 30 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 230/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: - Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970.

- Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu phố A, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị Bé Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp PT, xã PN, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Các nguyên đơn cùng ủy quyền cho ông Trương Văn T, sinh năm 1978, địa chỉ: ấp MAC, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2019.

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố A, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962.

- Ông Nguyễn Văn Si N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu phố A, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Khu phố A, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Phần đất có diện tích 251,7m², thuộc thửa 150, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre theo kết quả đo đạc ngày 15/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bến Tre, hiện do hộ bà Nguyễn Thị L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 08/02/2002 là tài sản chung chưa phân chia của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Si N, bà Nguyễn Thị Bé Đ, bà Nguyễn Thị Bích Hg. Các đương sự thống nhất phân chia như sau, có họa đồ kèm theo:

+ Ông Nguyễn Văn Si N nhận phần đất mang thửa tạm 150A, diện tích 72,7m² (đã xây nhà kiên cố) trong đó có 16m² đất ở đô thị và 56,7m² đất cây lâu năm.

+ Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị Bé Đ cùng nhận và đồng sử dụng phần đất mang thửa tạm 150B, diện tích 85m², trong đó có 50m² đất ở đô thị và 35m² đất cây lâu năm.

+ Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn C đồng ý tiếp tục sử dụng phần đất còn lại có diện tích 94m² trong đó có 34m² đất ở đô thị và 60m² đất cây lâu năm, gồm thửa tạm 150C diện tích 28.4m² và thửa tạm 150D diện tích 65,6m² (đã xây nhà kiên cố). Ghi nhận bà L và ông C không yêu cầu phân chia tài sản chung trong vụ án này.

- Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết tách lỏi đi chung trong vụ án này.

- Chi phí thu thập chứng cứ là 1.678.000 (Một triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Bích H tự nguyện nộp và đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Ông Nguyễn Văn Si N phải nộp 18.585.000 (Mười tám triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003391 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Văn Si N còn phải nộp thêm 18.285.000 (Mười tám triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn) đồng án phí.

+ Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị Bé Đ phải liên đới nộp 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.940.000 (Hai triệu chín trăm bốn mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0008440, 0008441, 0008442 cùng ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị Bé Đ còn phải liên đới nộp thêm 21.060.000 (Hai mươi một triệu không trăm sáu mươi ngàn) đồng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Văn phòng.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương